TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ M** **TỈNH HƯNG YÊN** Bản án số: 17/2020/DS -ST Ngày: 09/10/2020 "V/v *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ M - TỈNH HƯNG YÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Ngọc Lâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông: Phan Xuân Hùng;

2. Bà: Vũ Thị Diệu Thúy

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Oanh - Thư ký Toà án.

Đại diện VKSND thị xã tham giaphiên toà: Bà Đặng Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Toà án nhân dân thị xã Msài, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 12/2020/TLST- DS ngày 27 tháng 3 năm 2020 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2020/QĐST - DS ngày 07 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên toà số: 15/2020/QĐST - DS ngày 22/9/2020 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP S (Sacombank)

Trụ sở: 266 - 268 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, phường 8, quận 3, thành phố HồChí Minh

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Chức vụ: Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Doãn L (có mặt)

Chức vụ: Phó Phòng kiểm soát rủi ro Ngân hàng TMCP S- Chi nhánh Hưng Yên

* Bị đơn: Chị Nhữ Thị Trà G, sinh năm: 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ và nơi cư trú cuối cùng: Tổ dân phố N phường N, thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị của nguyên đơn thể hiện***: Ngân hàng Thương mại cổ phần S và chị Nhữ Thị Trà G có ký hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm giấy đề nghị cấp

thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ) ngày 17/7/2012. Căn cứ vào thu nhập của chị Giang, Ngân hàng đã đồng ý cấp thẻ tín dụng Visa Ladies First hạn mức tín dụng là: 15.000.000 đồng, mục đích là tiêu dùng cá nhân, thời hạn sử dụng thẻ 03 năm. Sau khi được cấp thẻ chị G đã thực hiện các giao dịch tại thẻ tín dụng đến ngày 31/8/2016 với tổng số tiền: 14.092.700 đồng. Sau ngày 31/8/2016 chị G không thực hiện thêm giao dịch phát sinh trên thẻ. Tổng số tiền giao dịch, lãi, các khoản phí và phí phát sinh theo hợp đồng của chị G trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng là: 30.357.747đồng. Cụ thể như sau:

Tổng số tiền giao dịch: 14.092.700đồng.

Lãi trong hạn (tạm tính đến ngày 31/01/2018): 4.397.754đồng.

Lãi quá hạn (tính từ 01/02/2019 do khách hàng chậm thanh toán 03 kỳ liên tiếp): 10.418.828đồng.

Phí trễ hạn (phí phạt chậm trả lãi trong hạn): 440.465đồng

Phí thường niên: 299.000đ/năm x 02 năm = 598.000đồng (Do khách hàng chậm thanh toán 4 kỳ liên tiếp vào tháng 10/2017, tháng 11/207, tháng 12/2017 và tháng 01/2018 nên Ngân hàng đã tự động thanh lý thẻ trước hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng với chị Giang).

Phí rút tiền mặt: Do thẻ Visa Ladies First cấp cho khách hàng để phục vụ cho khách hàng quẹt thẻ thanh toán nhưng chị G lại rút tiền mặt nên bị tính phí theo thỏa thuận tại hợp đồng. Chị G đã rút tiền mặt 01 lần: 13.500.000đồng nên phải chịu phí rút tiền mặt là: 300.000đồng.

Phí thông báo giao dịch giấy: 10.000đồng/tháng x 11 tháng = 110.000đồng

Trong quá trình sử dụng thẻ, chị G đã thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền: 9.540.000đồng (gồm nợ gốc 3.693.781 đồng; nợ lãi trong hạn 4.397.754 đồng; phí trễ hạn 440.465đồng; phí thường niên 598.000 đồng; phí rút tiền mặt 300.000 đồng; phí thông báo giao dịch giấy 110.000 đồng).

Sau khi chị G bị quá hạn ngày 01/02/2018, Ngân hàng đã tự động thanh lý thẻ trước hạn theo thỏa thuận tại hợp đồng và dừng tính các loại phí phát sinh của thẻ tín dụng đối với chị Giang. Do chị G đã đi khỏi nơi cư trú từ năm 2017 nên Ngân hàng đã có đơn đề nghị Tòa án nhân dân thị xã M thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị G và đã được Tòa án chấp nhận. Đến nay, Ngân hàng đề nghị Tòa án buộc chị G phải thanh toán cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 20/8/2020 tổng số nợ còn thiếu theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/7/2012 là: 20.817.747đồng. Trong đó:

Nợ gốc: 10.398.919 đồng; nợ lãi quá hạn: 10.418.828 đồng.

* Tại biên bản làm việc với anh Phạm Văn Phong (là chồng của chị Giang) xác định: Anh và chị G hiện không còn chung sống cùng nhau, chị G đã bỏ nhà đi từ năm 2017 cho đến nay, anh và chị G không liên lạc với nhau, anh

không biết hiện nay chị G làm gì và sinh sống ở đâu. Đối với việc chị G vay nợ Ngân hàng thương mại cổ phần S như thế nào anh không nắm được và anh không liên quan đến khoản vay này. Anh xác định đó là khoản vay của cá nhân chị G với ngân hàng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập chị G nhiều lần, thôngbáo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị G trên cổng thông tin điện tử của Tòa án, Báo Pháp luật và thông báo trên Đài tiếng nói Việt Nam nhưng chị G không đến Tòa án làm việc nên Tòa án không lấy được lời khai của chị Giang. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải nên việc hòa giải không tiến hành được do vậy phải đưa vụ án ra xét xử. Tòa án đã thực hiện thủ tục niêm yết văn bản bố tụng của Tòa án đối với chị G theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2020, Tòa án nhân dân thị xã tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án. Tại phiên tòa có mặt đại diện ủy quyền của nguyên đơn còn bị đơn chị G vắng mặt không có lý do. Tòa án đã ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định phiên tòa tiếp tục được mở vào ngày 09/10/2020.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị đơn chị G tiếp tục vắng mặt không có lý do. Ông Luận là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Tòa án buộc chị G phải thanh toán số nợ còn thiếu cho Ngân hàng tạm tính đến ngày 20/8/2020 theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụngngày 17/7/2012 là 20.817.747 đồng. Cụ thể:

Nợ gốc: 10.398.919 đồng

Nợ lãi quá hạn: 10.418.828 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật tốtụng trong quá trình giải quyết và xét xử vụ án là đúng qui định của pháp luật. Tại phiên toà bị đơn được Toà án tống đạt hợp lệ tuy nhiên vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu khởi kiện của ngân hàng: Đề nghị HĐXX chấp nhận đơn khởikiện của Ngân hàng. Buộc chị G phải thanh toán nợ gốc, nợ lãi quá hạn cho ngân hàng tạm tính đến ngày 20/8/2020 là 20.817.747 đồng. Cụ thể:

Nợ gốc: 10.398.919 đồng

Nợ lãi quá hạn: 10.418.828 đồng.

Chị G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tạiphiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không tống đạt được trực tiếp thông báo về việc thụ lý vụ án do bị đơn không còn cư trú tại địa chỉ mà đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần S cung cấp. Tòa án tiến hành xác minh với UBND phường N nơi chị G có nơi cư trú cuối cùng được địa phương xác định chị G hiện không có mặt tại địa phương, địa phương cũng không biết chị G đi đâu? làm gì? Theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, trong vụ án này đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của chị G theo địa chỉ được ghi trong Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng nên được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Tòa án đã thực hiện thủ tục thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị G và thực hiện việc niêm yết các văn bản tố tụng của Tòa án đối với chị G; do vậy Tòa án giải quyết vụ án theo thủ tục chung là đúng quy định của pháp luật. Do bị đơn là chị G không có mặt tại nơi cư trú và không đến Tòa án làm việc theo giấy báo của Tòa án nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được nên phải đưa vụ kiện ra xét xử. Tại phiên tòa chị G mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, nên Toà án xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, trường hợp bị đơn vắng mặt sẽ có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngân hàng thương mại cổ phần S có đầy đủ tư cách pháp nhân; đối với bị đơn là chị G có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Khi tham gia giao kết hợp đồng, các bên hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc. Các điều khoản thoả thuận của các bên trong hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thì thấy:

Theo hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/7/2012 (bao gồm giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, điều khoản, điều kiện phát hành và sử dụng thẻ) giữa Ngân hàng và chị G đều thỏa thuận về số tiền giao dịch mỗi lần của thẻ; quy định về lãi trong hạn, quá hạn trong trường hợp chị G vi phạm; phí trễ hạn, phí thường niên duy trì thẻ, phí rút tiền mặt, thanh lý thẻ trước hạn trong trường hợp chị G vi phạm… Các điều khoản thỏa thuận giữa Ngân hàng và chị G tại hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng ngày 17/7/2012 không vi phạm quy định của pháp luật nên có giá trị pháp lý.

Về số nợ gốc: Số tiền chị G thực hiện giao dịch trên thẻ tín dụng tính đến ngày 31/8/2016 là: 14.092.700đồng; Ngân hàng thực hiện việc tính các khoản phí phát sinh, nợ lãi trong hạn và quá hạn theo đúng quy định tại hợp đồng. Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng xác định chị G đã thanh toán được: 9.540.000 đồng. Tại điểm 23 về nguyên tắc thanh toán trong Điều khoản và điều kiện phát hành thẻ tín dụng cá nhân của Ngân hàng thương mại cổ phần S kèm theo Hợp đồng sử dụng thẻ xác định Ngân hàng và chị G đã thỏa thuận về thứ tự

thanh toán trong trường hợp chị G thanh toán nợ cho ngân hàng. Căn cứ theo tài liệu sao kê lịch sử trả nợ của chị G do đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn xuất trình, có căn cứ xác định hiện số nợ gốc của chị G còn nợ Ngân hàng theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng tại các hợp đồng sử dụng thẻ tính đến ngày 20/8/2020 là 10.398.919đồng là có căn cứ và được chấp nhận.

Về nợ lãi quá hạn: Căn cứ khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; tại Điều 13 của Thông tư quy định về lãi suất cho vay của các tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay theo cung cầu vốn thị trường, nhu cầu vay vốn và mức độ tín nhiệm của khách hàng, trừ trường hợp Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có quy định về lãi suất cho vay tối đa tại khoản 2 Điều này.

Theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN, mức lãi suất cho vay của tổ chức tín dụng là theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng. Như vậy mức lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần S thỏa thuận với chị G tại hợp đồng sử dụng thẻ là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật. Tổng số nợ lãi quá hạn chị G còn nợ theo yêu cầu khởi kiện của ngân hàng là 10.418.828 đồng, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về số nợ lãiquá hạn đối với chị G là có căn cứ nên được chấp nhận.

* Về án phí dân sự sơ thẩm:

Xét thấy yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S được chấp nhận nên không phải chịu án phí, chị G phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Ngân hàng thương mại cổ phần Sài GònThương Tín được trả lại tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Mỹ Hào.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:Các Điều 302, 305, 471, 474, 476, 478 của Bộ luật dân sự 2005. Luật ngân hàng nhà nước năm 2010; Điều 13 Thông tư số: 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng. Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, Điều 273, Điều 277 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 30 Luật thi hành án dân sự; Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Nghị quyết số: 326/NQ -UBTVQH ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm thu nộp và quản lý sử dụng án lệ phí Toà án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần S. Buộc chị Nhữ Thị Trà G phải trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần S, tính đến ngày

20/8/2020, tổng số tiền: 20.817.747 đồng (Haimươi triệu, tám trăm mười bảy nghìn, bảy trăm bốn mươi bảy đồng); trong đó:

Nợ gốc: 10.398.919 đồng (Mười triệu ba trăm chín mươi tám nghìn chín trăm mười chín đồng chẵn)

Nợ lãi quá hạn: 10.418.828 đồng (Mười triệu bốn trăm mười tám nghìn tám trăm hai mươi tám đồng chẵn).

Chị Nhữ Thị Trà G phải có nghĩa vụ trả tiền lãi cho Ngân hàng thương mại cổ phần S trên số nợ gốc chưa thanh toán theo lãi suất tại Hợp đồng sử dụng thẻ, kể từ ngày 21/8/2020 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

Về án phí: Ngân hàng thương mại cổ phần S không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả lại cho Ngân hàng thương mại cổphần S số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là: 408.000 đồng (Bốn trăm linh tám nghìn đồng) theo biên lai số 0004200 ngày 26/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã M, tỉnh Hưng Yên.

Chị Nhữ Thị Trà G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.040.800đồng (Một triệu, không trăm bốn mươi nghìn, tám trăm đồng).

Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn15 ngày, kể từ ngày được tống đạt bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hànhán dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự cóquyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dânsự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh.
- VKSND + Chi cục THADS thị xã.
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Ngọc Lâm